FireAnt

CTCP Cấp nước Đắk Lắk (UPCOM: DWC)

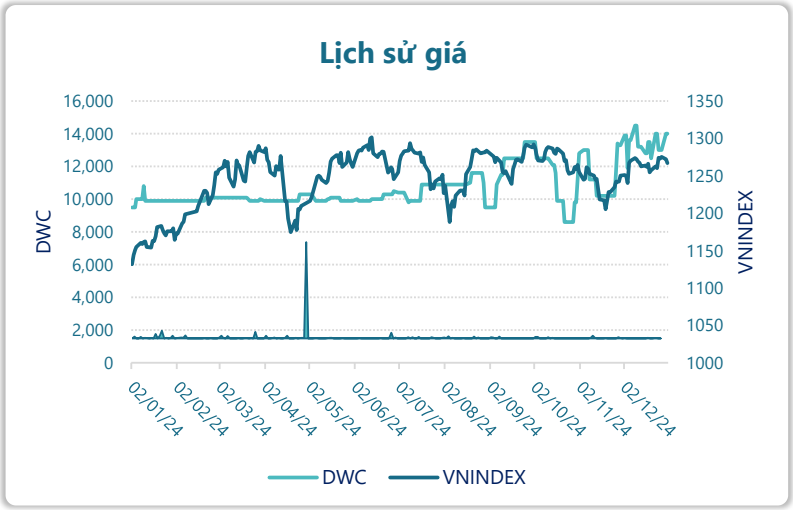

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	465
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	441
P/E	9.0
EPS	1,560

DT thuần

Q4/24

70.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20| -3.0%

YoY: ▲ 12.8| 22.2%

LN sau thuế

Q4/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.70| -21.5%

YoY: ▲ 9.26| 213%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

28.3%

+/- YoY: ▲ 10.2%

DT thuần

2024

289

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.0| 26.9%

LN sau thuế

2024

49.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.1| 225%

ROE

2024

14.6%

+/- YoY: ▲ 9.6%

Kết quả kinh doanh

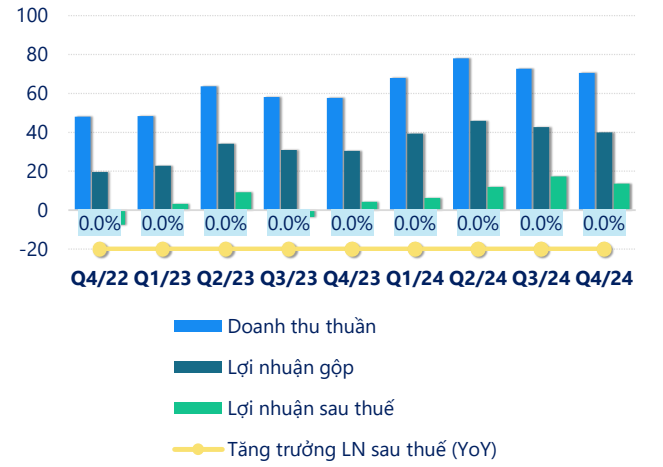

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

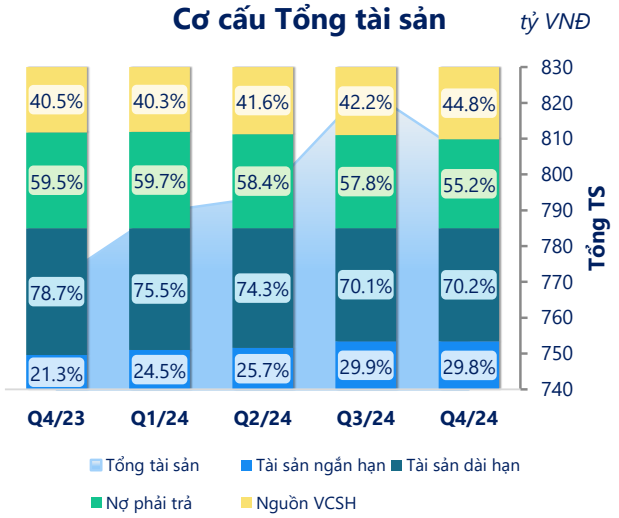

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

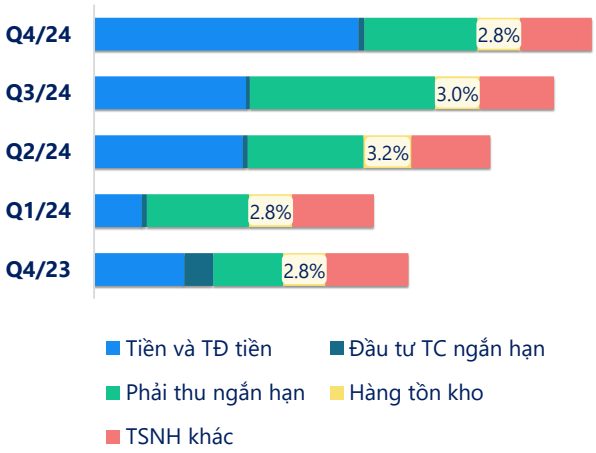

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

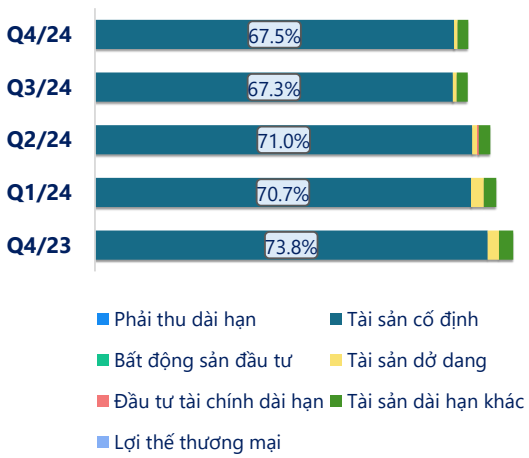

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

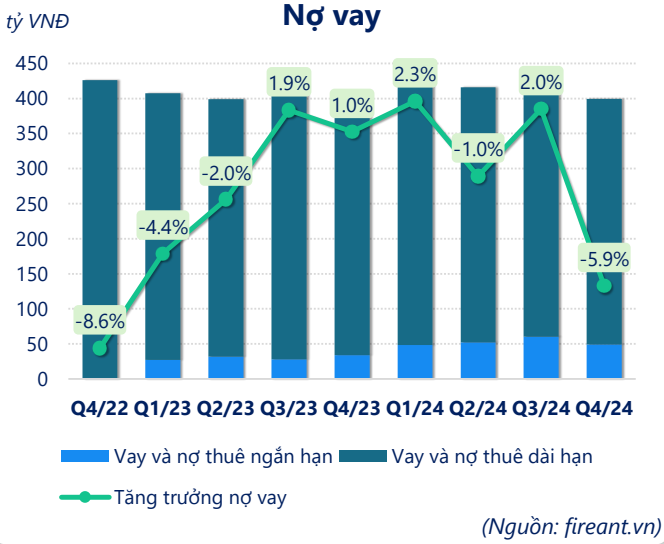

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

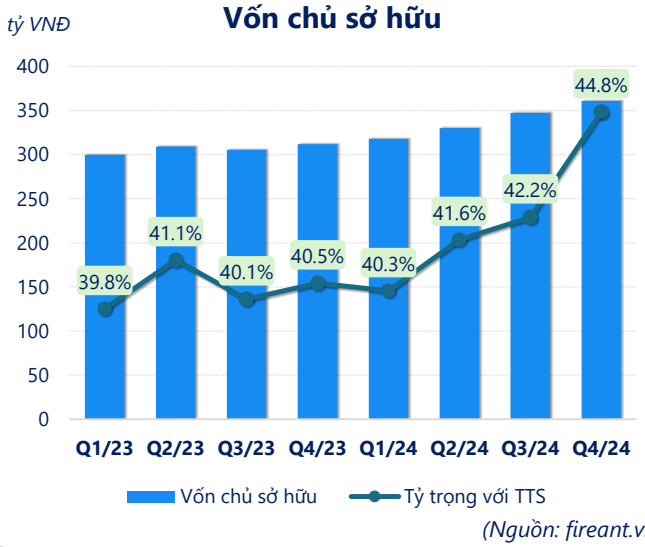

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

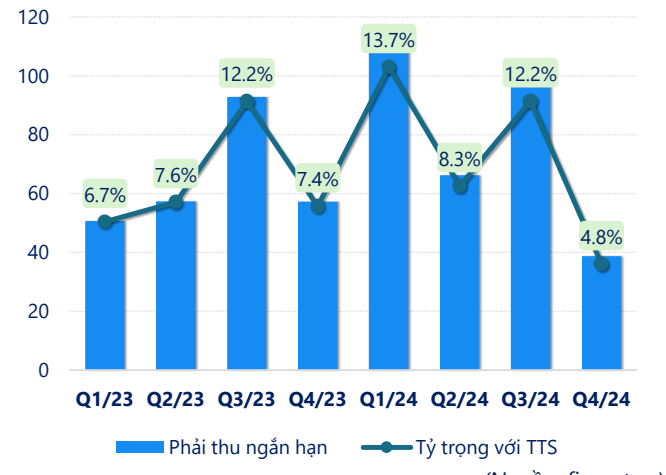

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

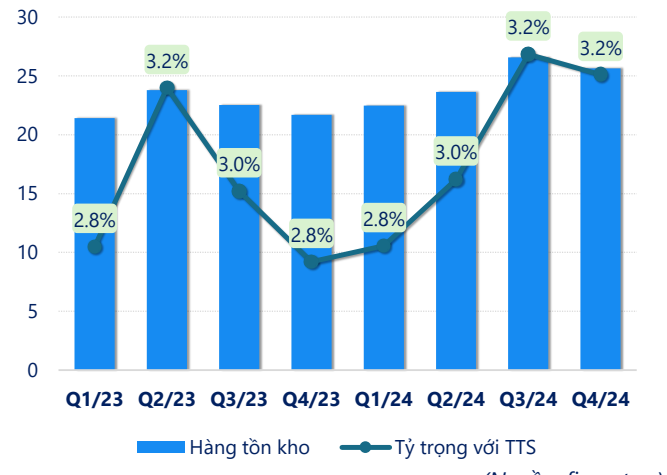

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

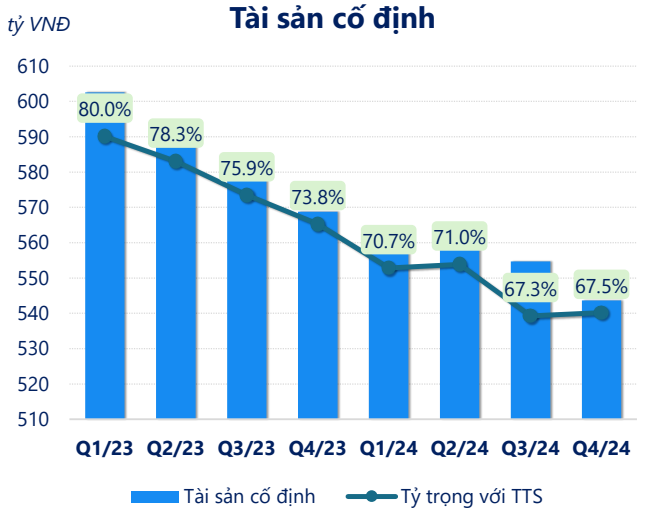

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

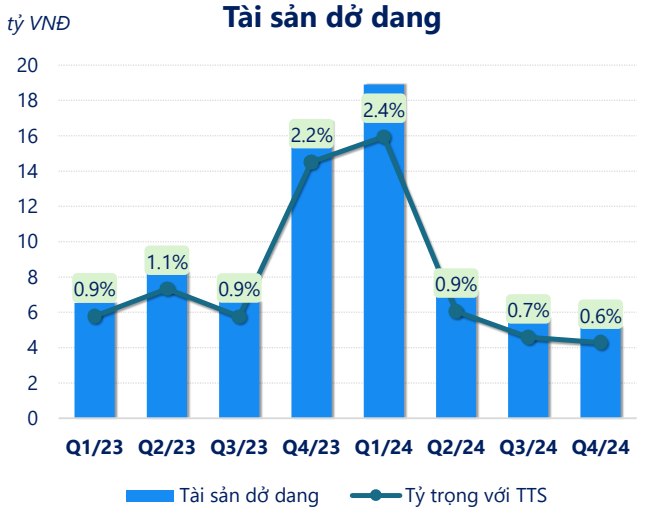

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

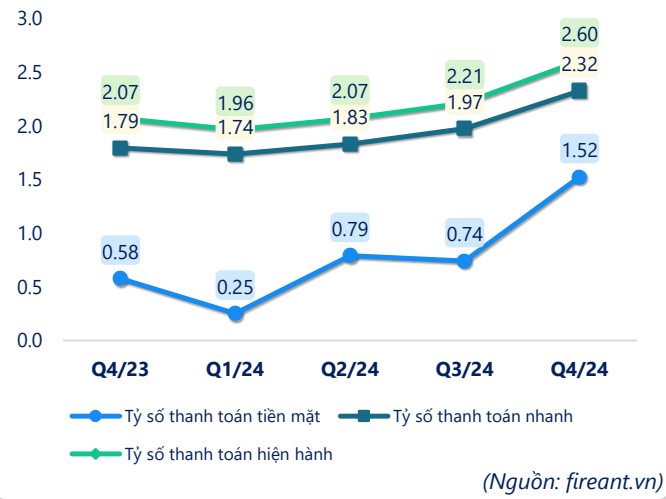

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

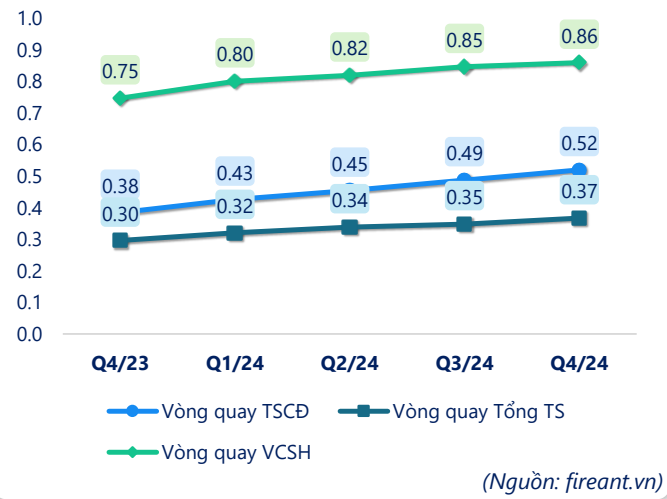

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**770**	**790**	**794**	**824**	**805**
Tài sản ngắn hạn	**164**	**194**	**204**	**246**	**240**
Tiền và tương đương tiền	45.8	24.8	77.7	82.4	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	3.00	3.00	5.25	5.25
Phải thu ngắn hạn	57.3	109	66.2	100	38.7
Hàng tồn kho	21.7	22.5	23.6	26.6	25.6
Tài sản ngắn hạn khác	36.4	34.8	33.2	31.8	29.8
Tài sản dài hạn	**606**	**596**	**590**	**578**	**565**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	569	558	563	555	544
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.8	18.9	7.20	5.67	5.17
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	2.25	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.7	18.7	17.3	17.3	16.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**459**	**472**	**464**	**477**	**444**
Nợ ngắn hạn	**79.4**	**98.6**	**98.4**	**111**	**92.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.0	48.6	52.2	60.5	49.0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.4	10.5	9.53	9.04	7.01
Nợ dài hạn	379	373	365	365	352
Vay và nợ thuê dài hạn	377	372	364	364	350
Nguồn vốn chủ sở hữu	**312**	**318**	**330**	**347**	**361**
Vốn chủ sở hữu	**312**	**318**	**330**	**347**	**361**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)